BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 05 /TB-ĐHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019

(Tổ chức đào tạo tại Cơ sở chính TP.HCM và Phân hiệu Quảng Ngãi)

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019 (tại Cơ sở chính TP.HCM và Phân hiệu Quảng Ngãi) như sau:

1. NGÀNH THI TUYỂN, CHỈ TIÊU VÀ MÔN THI TUYỂN

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Môn thi		
				Cơ bản	Cơ sở ngành	Ngoại ngữ
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	40	Toán cao cấp	Quản lý môi trường	Tiếng Anh
2	Kỹ thuật môi trường	8520320	40		Kỹ thuật môi trường	
3	Kỹ thuật cơ khí	8520103	40		Cơ học ứng dụng	
4	Kỹ thuật hóa học	8520301	40		Hóa lý	
5	Hóa phân tích	8440118	40		Hóa phân tích	
6	Kỹ thuật điện	8520201	40		Mạch điện	
7	Kỹ thuật điện tử	8520203	40		Mạch điện tử	
8	Công nghệ thực phẩm	8540101	40		Hóa sinh cơ bản - Vi sinh cơ bản	
9	Công nghệ sinh học	8420201	40		Sinh học đại cương	
10	Khoa học máy tính	8480101	40	Toán rời rạc	Cơ sở tin học	
11	Kế toán	8340301	70	Toán kinh tế	Nguyên lý kế toán	
12	Quản trị kinh doanh	8340101	70		Quản trị học	

Chỉ tiêu tại Phân hiệu Quảng Ngãi như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Kỹ thuật cơ khí	8520103	20	Môn thi giống tại Cơ sở chính TP.HCM
2	Kỹ thuật điện	8520201	20	
3	Kỹ thuật hóa học	8520301	20	
4	Kế toán	8340301	30	
5	Quản trị kinh doanh	8340101	30	

2. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

2.1. Về văn bằng: thí sinh đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi.

b) Đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định. Trường hợp người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh thì phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị, quản lý.

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và học phần bổ sung kiến thức xem *Phụ lục 1* đính kèm.

2.2. Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

3. YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ THI

Người dự thi được xét miễn thi môn ngoại ngữ nếu có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành (ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh).

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh.

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (xem *Phụ lục 2*) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

Người dự thi chưa có các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như quy định ở trên phải đăng ký thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh.

4. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 02 năm, học chủ yếu vào các ngày Thứ 7 và CN

5. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Mức ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

6. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG, ÔN TẬP VÀ THI TUYỂN

Tuyển sinh đợt 1 năm 2019:

- Nộp hồ sơ trực tuyến: đến hết ngày 12/4/2019 *(để duyệt chuyên môn)*
- Nộp hồ sơ giấy: đến hết ngày 04/5/2019
- Hoàn thành học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 04/5/2019
- Đăng ký học ôn thi: đến hết ngày 12/4/2019
- Học ôn thi: từ ngày 15/4/2019 đến hết ngày 12/5/2019
- Ngày thi dự kiến: ngày 18 và 19/5/2019

Tuyển sinh đợt 2 năm 2019:

- Ngày thi dự kiến: ngày 26 và 27/10/2019
- Thông tin chi tiết sẽ được công bố trong thông báo tuyển sinh đợt 2 năm 2019

7. LỆ PHÍ ÔN THI VÀ HỒ SƠ DỰ TUYỂN

- Lệ phí xét duyệt hồ sơ và dự thi 600.000 đồng/thí sinh (không hoàn lại)
- Phí học bổ sung kiến thức 500.000 đồng/tín chỉ
- Phí ôn thi 1.000.000 đồng/môn
- Học phí năm học 2018-2019 935.000 đồng/tín chỉ (dành cho khối kinh tế)
  1.070.000 đồng/tín chỉ (dành cho khối kỹ thuật)

Hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký dự thi
- Sơ yếu lý lịch
- Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có)
- 01 Bản sao bằng Đại học (có công chứng)
- 01 Bản sao bảng điểm Đại học (có công chứng)
- 01 Bản sao giấy khai sinh (có công chứng)
- 01 Bản sao CMND (có công chứng)
- 01 Bản sao chứng chỉ tiếng Anh (có công chứng, nếu có)
- 01 Giấy khám sức khỏe (không quá 6 tháng)
- 04 ảnh 3×4 (không quá 6 tháng)

8. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ

Tại Cơ sở chính TP.HCM:

Phòng Quản lý Sau đại học (Tầng trệt, Nhà B)
Số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 38940390 – số nội bộ 106 Email: sdh@iuh.edu.vn
Website: http://tuyensinh.sdh.iuh.edu.vn/

Tại Phân hiệu Quảng Ngãi:

Phòng Giáo vụ và Công tác Sinh viên, Phân hiệu Quảng Ngãi
Số 938 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi.
Điện thoại: (0255) 2.222.135. Hotline: 0916.222.135
Website: http://qn.iuh.edu.vn/tuyen-sinh

Lưu ý:

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống đăng ký dự thi để duyệt điều kiện chuyên môn tại: http://nophoso.sdh.iuh.edu.vn/
- Thí sinh nộp hồ sơ giấy và nộp tiền trực tiếp theo địa chỉ liên hệ ở trên./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu;
- Đăng website Trường;
- Lưu VT, QLSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Thiên Tuế

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Kèm theo Thông báo số 05 /TB–ĐHCN ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh)

a. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần:

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành đúng, ngành phù hợp	Ngành gần
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý môi trường; Khoa học môi trường; Sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường; Công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường; Nghiên cứu môi trường	Địa lý môi trường; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản; Môi trường và bảo vệ môi trường
2	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường; Công nghệ môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường	Quản lý môi trường; Khoa học môi trường; Khoa học trái đất; Công nghệ sinh học; Công nghệ kỹ thuật hóa học;
3	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ chế tạo máy	Cơ kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật nhiệt
4	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu	Hoá học; Khoa học vật liệu; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật môi trường
5	Hóa phân tích	Hóa phân tích; Kỹ thuật hóa phân tích; Hóa học; Sư phạm hóa học	Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa học; Công nghệ vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Khoa học vật liệu; Khoa học môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học
6	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

7	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Vật lý điện tử
8	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản	Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật môi trường
9	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học	Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng, Sinh học
10	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin
11	Kế toán	Kế toán; Kiểm toán	Kinh doanh (Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại); Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Hệ thống thông tin quản lý)
12	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Marketing	Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Bất động sản

b. Các học phần bổ sung kiến thức:

TT	Ngành tuyển sinh	Học phần bổ sung	Tín chỉ
1	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Quản lý môi trường đại cương - Cơ sở khoa học môi trường - Sinh thái môi trường đại cương - Phân tích và quan trắc môi trường	2 2 2 2
2	Kỹ thuật môi trường	- Hóa kỹ thuật môi trường - Công nghệ môi trường - Vi sinh môi trường	2 3 2
3	Kỹ thuật cơ khí	- Các phương pháp gia công tiên tiến - Công nghệ chế tạo máy - Công nghệ gia công trên máy CNC - Máy cắt gọt kim loại	2 3 2 2

4	Kỹ thuật hóa học	*Đối với các chuyên ngành Hoá học và Khoa học vật liệu:* - Truyền nhiệt - Truyền khối - Các quá trình và thiết bị cơ học - Thực hành quá trình thiết bị *Đối với các chuyên ngành Công nghệ thực phẩm; Công nghệ kỹ thuật môi trường và Kỹ thuật môi trường:* - Hóa hữu cơ - Hóa vô cơ - Hóa lý 1 - Hóa lý 2	 2 2 2 1 3 3 5 4
5	Hóa phân tích	- Các phương pháp phân tích hóa lý - Thiết bị đo trong hóa phân tích - Phân tích công nghiệp	3 2 3
6	Kỹ thuật điện	- Máy điện - Cung cấp điện / Hệ thống điện	3 3
7	Kỹ thuật điện tử	- Xử lý số tín hiệu	3
8	Công nghệ thực phẩm	- Các quá trình và công nghệ trong chế biến thực phẩm - Hóa sinh thực phẩm - Vi sinh thực phẩm	4 3 3
9	Công nghệ sinh học	- Kỹ thuật di truyền - Kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật - Kỹ thuật nuôi cấy tế bào đông vật	2 2 2
10	Khoa học máy tính	- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Trí tuệ nhân tạo	3 3
11	Kế toán	- Kế toán tài chính - Kế toán quản trị - Kiểm toán - Kế toán quốc tế	2 2 2 2
12	Quản trị kinh doanh	*Đối với các ngành gần:* - Quản trị học - Marketing căn bản / Nguyên lý marketing *Dối với các ngành khác:* - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị học - Marketing căn bản / Nguyên lý marketing	 3 3 3 3 3 3

PHỤ LỤC 2

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số 05 /TB–ĐHCN ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

(Theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)